

Bản án số: 463/2024/HC-PT

Ngày 28 - 5 - 2024

V/v: “Khiếu kiện quyết định hành chính  
trong lĩnh vực quản lý đất đai”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đinh Ngọc Thu Hương

*Các Thẩm phán:* Ông Vương Minh Tâm

Ông Phạm Văn Công

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Châu Loan - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh:**  
Ông Lê Tấn Cường - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai, vụ án thụ lý số: 171/2024/TLPT-HC ngày 06 tháng 3 năm 2024 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”;

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 75/2023/HC-ST ngày 27 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1185/2024/QĐ-PT ngày 10 tháng 5 năm 2024; giữa các đương sự:

**- Người khởi kiện:** Ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1961 (có mặt);

Địa chỉ: Số G đường T, Phường D, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai (có đơn xin vắng

mặt);

Địa chỉ: Số A đường P, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai;

*Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị kiện:* Ông Mai Ngọc T – Phó Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất huyện N (có mặt).

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Bùi Thúy L, sinh năm 1967 (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: Số B đường T, Phường C, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai (có đơn xin vắng mặt).

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ (có đơn xin vắng mặt);

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Nguyễn Văn T1 – Trưởng phòng hành chính tổng hợp - C – Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ (có mặt).

*- Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Văn G là người khởi kiện.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Người khởi kiện ông Nguyễn Văn G trình bày:***

Nguồn gốc diện tích đất 3.075 m<sup>2</sup> thửa 61, tờ bản đồ 19, xã P (loại đất nông nghiệp trồng cây lâu năm) do ông nhận chuyển nhượng của ông S và bà H từ năm 1992, đã được Ủy ban nhân dân huyện N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U510265 ngày 14/03/2002.

Ngày 29/7/2010, Ủy ban nhân dân tỉnh Đ có Thông báo số 6074/TB-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện dự án nâng cấp đường 319B tại các xã H, P, L và P, huyện N. Ngày 04/12/2017, Ủy ban nhân dân huyện N ban hành Quyết định số 7995/QĐ-UBND thu hồi 1.194,8 m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa đất của ông Nguyễn Văn G. Ngày 22/12/2017, Ủy ban nhân dân huyện N ban hành Quyết định số 9056/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ để thực hiện dự án nâng cấp mở rộng đường T (C) cho ông G số tiền là 3.407.360.000 đồng. Ngày 12/9/2018, Ủy ban nhân dân huyện N ban hành Quyết định số 6206/QĐ-UBND thu hồi 133,2 m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm của ông Nguyễn Văn G. Ngày 24/09/2018, Ủy ban nhân dân huyện N ban hành Quyết định số 6434/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ để thực hiện dự án nâng cấp mở rộng đường T (C) cho ông G số tiền là

246.642.000 đồng. Ngày 01/10/2018, Ủy ban nhân dân huyện N ban hành Quyết định số 6837/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ để thực hiện dự án nâng cấp mở rộng đường T (C) cho ông G số tiền về vật kiến trúc là 486.788.000 đồng. Ngày 28/12/2018, Ủy ban nhân dân huyện N ban hành Quyết định số 9344/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ để thực hiện dự án nâng cấp mở rộng đường T (C) cho ông G số tiền về nhà ở và vật kiến trúc là 289.783.000 đồng. Ngày 17/4/2019, Ủy ban nhân dân huyện N ban hành Quyết định số 1722/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Nguyễn Văn G diện tích đất 1.328 m<sup>2</sup>. Ngày 13/6/2019, Trung tâm phát triển quỹ nhà đất huyện N có Thông báo số 157/TB-UBND về việc thống kê các quyết định hành chính, các chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do thu hồi đất của hộ Nguyễn Văn G. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ là 4.430.573.000 đồng và 01 suất tái định cư.

Ngày 29/12/2017, ông đến Ủy ban nhân dân xã P nhận Quyết định thu hồi đất số 7992/QĐ-UBND ngày 04/12/2017. Khi xem Quyết định, ông thấy diện tích đất của mình bị thiếu 133,2 m<sup>2</sup>, vị trí đất từ thửa số 10 được sửa thành thửa số 19, tài sản trên đất của ông lại lấy đền bù cho người khác, từ đó dẫn đến các chính sách bồi thường đền bù tài sản đều sai. Khi ông khiếu nại thì Ủy ban nhân dân huyện N mới ban hành Quyết định số 4031/QĐ-UBND ngày 13/7/2018 chấp nhận bồi thường bổ sung diện tích đất 133,2 m<sup>2</sup> cho ông.

Đất của ông bị thu hồi có nhà hàng, quán cà phê đang kinh doanh nhưng không còn kinh doanh. Theo quy định tại khoản 2 Điều 88 của Luật Đất đai năm 2014 và theo quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ thì ông phải được hỗ trợ 06 tháng do ngừng kinh doanh nhưng Ủy ban nhân dân huyện N không hỗ trợ cho ông là trái pháp luật.

Đối với quyết định giải quyết khiếu nại của Ủy ban nhân dân huyện N và Ủy ban nhân dân tỉnh Đ nay ông không có ý kiến gì. Hiện ông đã lãnh tiền bồi thường và nhận một nền tái định cư. Nhưng trong các quyết định bồi thường, hỗ trợ cho ông, Ủy ban nhân dân huyện N vẫn chưa bồi thường về tài sản là nhà có diện tích xây dựng 278,9 m<sup>2</sup> trong diện tích bị thu hồi 1.328 m<sup>2</sup>, tài sản này đã được Trung tâm phát triển quỹ đất huyện N có biên bản kiểm đếm trước khi có quyết định thu hồi đất. Và đề nghị xét cấp thêm suất tái định cư và hỗ trợ tiền trong thời gian 6 tháng do ngừng kinh doanh. Do đó, ông đề nghị Tòa án hủy 05 quyết định của Ủy ban nhân dân huyện N gồm: Quyết định số 9056/QĐ-UBND ngày 22/12/2017 của Ủy ban nhân dân huyện N về việc bồi thường, hỗ trợ để thực hiện dự án nâng cấp

mở rộng đường T (C) tại xã P, huyện N cho ông số tiền 3.407.360.000 đồng; Quyết định số 6206/QĐ-UBND ngày 12/9/2018 của Ủy ban nhân dân huyện N thu hồi 133,2 m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm của ông Nguyễn Văn G; Quyết định số 6434/QĐ-UBND ngày 24/09/2018 của Ủy ban nhân dân huyện N về việc bồi thường, hỗ trợ để thực hiện dự án nâng cấp mở rộng đường T (C) tại xã P, huyện N cho ông số tiền 246.642.000 đồng, đối với diện tích 133,2 m<sup>2</sup>; Quyết định số 6837/QĐ-UBND ngày 01/10/2018 của Ủy ban nhân dân huyện N về việc bồi thường, hỗ trợ để thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng đường T (C) tại xã P, huyện N cho ông số tiền về vật kiến trúc là 486.788.000 đồng và Quyết định số 9344/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của Ủy ban nhân dân huyện N về việc bồi thường, hỗ trợ để thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng đường T (C) tại xã P, huyện N cho ông số tiền về nhà ở và vật kiến trúc là 289.783.000 đồng. Ngoài ra, ông không còn cung cấp tài liệu, chứng cứ gì khác.

***Ông Mai Ngọc T là người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện N trình bày:***

Ông Nguyễn Văn G có sử dụng diện tích đất 3.075 m<sup>2</sup> tại thửa đất số 19, tờ bản đồ số 61, xã P, được Ủy ban nhân dân huyện N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 510265 ngày 14/3/2002.

Ngày 02/06/2010, Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ban hành Thông báo thu hồi đất số 6074/TB-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện dự án nâng cấp mở rộng đường T (C) tại các xã P, H, L, P, huyện N. Ngày 03/11/2014, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện N phối hợp cùng các đơn vị liên quan và Ủy ban nhân dân xã P mời ông Nguyễn Văn G để thực hiện lập biên bản kiểm đếm về đất đai, thống kê nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất.

Ngày 15/9/2015, Ủy ban nhân dân xã P đã có Giấy xác nhận nguồn gốc nhà đất, nhà, vật kiến trúc số 95/GXN xác nhận ông Nguyễn Văn G có đất bị thu hồi tại dự án nâng cấp, mở rộng đường 319B đoạn qua xã P, cụ thể: Thửa đất số 10, tờ bản đồ địa chính số 37 (tương ứng thửa số 19, tờ bản đồ 61 cũ) xã P, tổng diện tích là 3.293 m<sup>2</sup>, trong đó diện tích đất thu hồi 976,8 m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm, vị trí 01.

Ngày 28/11/2016, Ủy ban nhân dân xã P tiếp tục có Giấy xác nhận nguồn gốc nhà đất, nhà, vật kiến trúc xác nhận ông Nguyễn Văn G có đất bị thu hồi tại dự án nâng cấp mở rộng đường 319B đoạn qua xã P, cụ thể: Thửa đất số 10, tờ

bản đồ địa chính số 37 (tương ứng thửa số 19; tờ bản đồ 61 cũ) xã P, diện tích đất thu hồi 218 m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm, vị trí 01.

Ngày 19/7/2018, Ủy ban nhân dân xã P tiếp tục có Giấy xác nhận nguồn gốc nhà đất, nhà, vật kiến trúc xác nhận ông Nguyễn Văn G có đất bị thu hồi tại dự án nâng cấp mở rộng đường 319B đoạn qua xã P, cụ thể: thửa đất số 10, tờ bản đồ địa chính số 37 xã P, diện tích đất thu hồi 133,2 m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng đất: Cây lâu năm, vị trí 1, thực hiện theo kết quả giải quyết đơn tại Quyết định số 4031/QĐ-UBND ngày 13/7/2018 của Ủy ban nhân dân huyện N.

Ngày 04/12/2017, Ủy ban nhân dân huyện B2 Quyết định số 7992/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ do thu hồi đất thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng đường T (C) tại xã P (Quyết định phê duyệt phương án bồi thường tổng của các hộ dân có đất và tài sản bị thu hồi, trong đó có hộ ông Nguyễn Văn G).

Ngày 04/12/2017, Ủy ban nhân dân huyện N ban hành Quyết định số 7995/QĐ-UBND về việc thu hồi diện tích 1.194,8m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm của ông Nguyễn Văn G để thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng đường T (C) tại xã P. Ngày 22/12/2017, Ủy ban nhân dân huyện N ban hành Quyết định số 9056/QĐ-UBND về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho ông Nguyễn Văn G với tổng số tiền bồi thường là 3.407.360.000 đồng, diện tích bồi thường là 1.194,8 m<sup>2</sup>. Ngày 27/12/2017, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện N có Giấy mời số 311/GM về việc công bố các quyết định để thực hiện dự án.

Ngày 29/12/2017, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện N phối hợp với Văn phòng đăng ký đất đai - Chi nhánh huyện N, Ủy ban nhân dân xã P, Ủy ban MTTQVN xã P và đại diện Ban áp tiến hành công bố, niêm yết Quyết định số 7992/QĐ-UBND ngày 04/12/2017 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; đồng thời trao các quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt kinh phí bồi thường cho 05 hộ dân. Danh sách các hộ tham dự buổi họp công bố và danh sách ký nhận quyết định thu hồi đất, quyết định bồi thường kèm theo biên bản ngày 29/12/2017 có tên, chữ ký của 05 hộ trong đó có ông G.

Về giải quyết khiếu nại: Ngày 13/7/2018, Ủy ban nhân dân huyện N ban hành Quyết định số 4031/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn G (lần đầu) thay thế Quyết định số 3788/QĐ-UBND ngày 27/6/2018: Chấp nhận một phần nội dung khiếu nại của ông Nguyễn Văn G, giải quyết bồi thường

bổ sung 133,2 m<sup>2</sup> đất nông nghiệp vị trí 1; điều chỉnh hồ sơ quy chủ bồi thường cho ông G đối với phần tài sản đã quy chủ không đúng đối tượng cho ông Trần Quốc B. Không công nhận các nội dung khiếu nại về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, về bồi thường bổ sung các tài sản phát sinh sau kiểm kê tại biên bản ngày 27/10/2016 và ngày 02/11/2016; yêu cầu bồi thường hết phần diện tích nhà bếp và phần công trình nhà vệ sinh phía sau nhà hàng vì không có căn cứ pháp lý để giải quyết thêm.

Kết quả thực hiện nội dung giải quyết đơn của Ủy ban nhân dân huyện N đối với trường hợp của ông Nguyễn Văn G tại Quyết định số 4031/QĐ-UBND, ngày 13/7/2018 của Ủy ban nhân dân huyện N:

Ngày 12/9/2018, Ủy ban nhân dân huyện N đã ban hành Quyết định số 6205/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ (bổ sung) do thu hồi đất để thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng đường T (C) cho ông Nguyễn Văn G.

Ngày 12/9/2018, Ủy ban nhân dân huyện N đã ban hành Quyết định số 6206/QĐ-UBND về việc thu hồi 133,2 m<sup>2</sup> đất của ông Nguyễn Văn G. Ngày 12/9/2018, tại Ủy ban nhân dân xã P, Trung tâm phát triển quỹ đất huyện N tiến hành làm việc với ông G (theo Giấy mời số 270/GM ngày 21/12/2018) để công bố và trao các quyết định thu hồi đất, quyết định bồi thường nêu trên cho ông. Ông Nguyễn Văn G có đến dự và ký tên vào biên bản nhưng không đồng ý nhận các quyết định. Trung tâm phát triển quỹ đất huyện N và Ủy ban nhân dân xã P đã tiến hành lập biên bản ngày 25/9/2018, niêm yết công khai các quyết định trên tại Ủy ban nhân dân xã P và điểm sinh hoạt khu dân cư nơi có đất bị thu hồi.

Ngày 24/9/2018, Ủy ban nhân dân huyện N ban hành Quyết định số 6434/QĐ-UBND về việc phê duyệt kinh phí bồi thường bổ sung cho ông Nguyễn Văn G với số tiền là 246.642.000 đồng, diện tích 133,2 m<sup>2</sup>. Ngày 24/9/2018, Ủy ban nhân dân huyện N ban hành Quyết định số 6435/QĐ-UBND về việc điều chỉnh danh sách tại Quyết định số 7992/QĐ-UBND ngày 04/12/2017 của Ủy ban nhân dân huyện N (điều chỉnh từ ông Trần Quát B1 thành ông Nguyễn Văn G).

Ngày 01/10/2018, Ủy ban nhân dân huyện N ban hành Quyết định số 6837/QĐ-UBND về việc phê duyệt kinh phí bồi thường với số tiền là 486.788.000 đồng (thay thế từ ông Trần Quát B1 thành ông Nguyễn Văn G). Ngày 28/12/2018, Ủy ban nhân dân huyện N ban hành Quyết định số 9344/QĐ-UBND về việc bồi

thường, hỗ trợ bổ sung với số tiền là 289.783.000 đồng (hỗ trợ tăng thêm 20% giá trị bồi thường nhà).

Ngày 01/3/2019, Ủy ban nhân dân huyện N ban hành Quyết định số 742/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ với số tiền là 15.000.000 đồng (hỗ trợ 05 tháng tiền thuê nhà do ông G được xét cấp tái định cư).

Như vậy, đối với trường hợp của ông Nguyễn Văn G có đất bị thu hồi tại dự án nâng cấp, mở rộng đường T (C), Ủy ban nhân dân huyện N đã ban hành 05 Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và bổ sung với tổng số tiền là 4.445.573.000 đồng, tổng diện tích đất được bồi thường là 1.328 m<sup>2</sup>.

Công tác xét cấp tái định cư: Ngày 04/10/2018, Hội đồng xét tái định cư huyện N tổ chức họp xét và thống nhất cấp 01 suất tái định cư theo khoản 3 Điều 4 Quyết định số 10/QĐ-UBND ngày 22/02/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ.

Ngày 26/11/2019, Ông Nguyễn Văn G đã bốc thăm nhận nền tái định cư tại Khu tái định cư P. Ngày 19/12/2019, ông Nguyễn Văn G đã liên hệ Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện N để nhận toàn bộ số tiền bồi thường được phê duyệt nêu trên.

Như vậy, đối với việc triển khai lập hồ sơ bồi thường, hỗ trợ cho ông Nguyễn Văn G, Ủy ban nhân dân huyện N đã chỉ đạo Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện tham mưu Ủy ban nhân dân huyện N phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện công tác thu hồi đất theo đúng trình tự thủ tục quy định. Vì vậy, Ủy ban nhân dân huyện N đề nghị Tòa án không chấp nhận nội dung đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn G.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Bùi Thúy L trình bày:*** Bà thống nhất với ý kiến của chồng bà là ông Nguyễn Văn G. Căn cứ vào đơn khởi kiện của ông G ngày 04/12/2019, đề nghị xét xử theo quy định của pháp luật. Bà xin vắng mặt khi xét xử.

***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Chủ tịch UBND huyện N trình bày tại Công văn số 4724/UBND-TD ngày 04/6/2020 như sau:*** Trường hợp ông G có đất bị thu hồi thực hiện dự án nâng cấp mở rộng đường 319B đoạn qua khu công nghiệp N, huyện N.

Về hồ sơ dự án mở rộng đường T (319B): Ngày 04/10/2006, Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ban hành Quyết định số 8910/QĐ-UBND về việc phê duyệt hồ sơ dự

án nâng cấp mở rộng đường 319B đoạn qua khu công nghiệp N, huyện N.

Ngày 22/11/2006, Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ban hành Quyết định số 9781/QĐ-UBND về việc giới thiệu địa điểm cho Ban quản lý dự án khu vực chuyên ngành Giao Thông - Vận tải lập dự án đầu tư, nâng cấp mở rộng đường 319B tại các xã P, H, L, P, huyện N.

Ngày 29/7/2010, Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ban hành Thông báo thu hồi đất số 6074/TB-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện dự án nâng cấp đường T (319B), tại các xã P, H, L, P, huyện N.

Ngày 23/7/2015, Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ban hành Quyết định số 2092/QĐ-UBND về việc phê duyệt giá đất để bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án nâng cấp mở rộng đường T (C), xã P, huyện N.

Ngày 13/03/2017, Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ban hành Quyết định số 699/QĐ-UBND về việc phê duyệt điều chỉnh giá để bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thuộc dự án nâng cấp mở rộng đường T (C) và Quyết định số 2078/QĐ-UBND ngày 21/6/2017 của UBND tỉnh Đ điều chỉnh giá đất rừng sản xuất.

Ngày 04/12/2017, Ủy ban nhân dân huyện N ban hành Quyết định số 7992/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ do Nhà nước thu hồi đất và quyết định thu hồi đất của từng hộ gia đình, cá nhân để thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng đường T (C), tại xã P, huyện N.

Căn cứ pháp lý thực hiện dự án: Căn cứ Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ T2 quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất; Quyết định số 53/2014/QĐ-UBND ngày 20/11/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ban hành về trình tự, thủ tục, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Quyết định số 54/2014/QĐ-UBND ngày 20/11/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Quyết định số 55/2014/QĐ-UBND ngày 20/11/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ban hành quy định về giá bồi thường, hỗ trợ tài sản khi



Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Thông báo thu hồi đất số 6074/TB-UBND ngày 02/6/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ về việc thu hồi đất để thực hiện dự án nâng cấp đường T (319B), tại các xã P, H, L, P, huyện N; Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 13/03/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ về việc phê duyệt điều chỉnh giá để bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thuộc dự án nâng cấp mở rộng đường T (319B cũ), tại xã P, huyện N.

Việc thu hồi đất đối với ông Nguyễn Văn G: Phần đất ông G sử dụng thuộc thửa đất 61, tờ bản đồ số 19 (cũ) với diện tích 3.075 m<sup>2</sup>, loại đất CNĐ được Ủy ban nhân dân huyện N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 510265 ngày 14/3/2002, tương ứng với thửa số 10, tờ bản đồ số 37 (mới) diện tích 3.293 m<sup>2</sup>, diện tích chênh lệch tăng 218 m<sup>2</sup> so với bản đồ địa chính cũ.

Ngày 23/10/2014, Trung tâm phát triển quỹ đất huyện N ban hành Thông báo về việc kiểm đếm tài sản, vật kiến trúc và hoa màu dự án nâng cấp, mở rộng đường 319B, đoạn qua xã P, huyện N đối với hộ ông Nguyễn Văn G, thời gian kiểm đếm lúc 8 giờ 00 phút đến 10 giờ 30 phút ngày 04/11/2014 tại thửa số 10, tờ bản đồ số 37 (mới), xã P. Sau đó, tổ kiểm kê đã tiến hành kiểm kê, ông Nguyễn Văn G đồng ý cho kiểm kê hiện trạng, tài sản, vật kiến trúc, hoa màu trên đất nhưng không ký vào biên bản.

Ngày 23/7/2015, Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ban hành Quyết định số 2092/QĐ-UBND về việc phê duyệt giá để bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thuộc dự án nâng cấp mở rộng đường T (C), theo đó giá đất nông nghiệp vị trí 1 giá 877.000 đồng/m<sup>2</sup>; đất rừng sản xuất vị trí 1 giá 626.000 đồng/m<sup>2</sup>; đất nghĩa trang, nghĩa địa vị trí 1 giá 877.000 đồng/m<sup>2</sup>; đất ở nông thôn vị trí 1, đoạn từ ngã ba B đến Công ty K giá 3.330.000 đồng/m<sup>2</sup>; đất ở nông thôn vị trí 1, đoạn từ Ủy ban nhân dân xã P đến qua ngã ba B 130m giá 4.850.000 đồng/m<sup>2</sup>. Tuy nhiên, đa số các hộ dân đề nghị thẩm định giá lại.

Ngày 13/03/2017, Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ban hành Quyết định số 699/QĐ-UBND về việc phê duyệt điều chỉnh giá để bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thuộc dự án nâng cấp mở rộng đường T (C), theo đó giá đất nông nghiệp vị trí 1 giá 1.794.000đồng/m<sup>2</sup>; đất rừng sản xuất vị trí 1 giá 1.281.000 đồng/m<sup>2</sup>; đất nghĩa trang, nghĩa địa vị trí 1 giá 1.794.000 đồng/m<sup>2</sup>; đất sản xuất kinh doanh vị trí 1 giá 2.777.000 đồng/m<sup>2</sup>; đất thủy lợi vị trí 1 giá 2.777.000 đồng/m<sup>2</sup>; đất ở nông thôn vị trí 1, đoạn từ ngã ba B đến Công ty K giá 5.553.000 đồng/m<sup>2</sup>; đất ở nông

thôn vị trí 1, đoạn từ Ủy ban nhân dân xã P đến qua ngã ba B 130m giá 8.173.000 đồng/m<sup>2</sup> và Quyết định số 2078/QĐ-UBND ngày 21/6/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ điều chỉnh giá đất rừng sản xuất thành vị trí 1 giá 1.794.000 đồng/m<sup>2</sup>.

Sau nhiều lần các Sở ngành của tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện N và các ngành của huyện họp dân giải thích về giá đất để bồi thường thực hiện dự án vào các ngày 25/8/2016, 16/6/2017 và ngày 15/9/2017, ông Nguyễn Văn G có đến dự và có ý kiến. Sau khi họp dân giải thích, đa số các hộ dân đều đồng thuận theo các Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 13/03/2017 và số 2078/QĐ-UBND ngày 21/6/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ về giá đất bồi thường thực hiện dự án.

Ngày 04/12/2017, Ủy ban nhân dân huyện N ban hành quyết định số 7995/QĐ-UBND về việc thu hồi đất diện tích 1.194,8m<sup>2</sup> đất của ông Nguyễn Văn G để thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng đường T (C), tại xã P, huyện N. Đến ngày 22/12/2017, Ủy ban nhân dân huyện N ban hành Quyết định số 9056/QĐ-UBND về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho ông Nguyễn Văn G với tổng số tiền bồi thường là 3.407.360.000 đồng.

Ngày 27/12/2017, Trung tâm phát triển quỹ đất huyện N có giấy mời số 311/GM-TTPTQĐ về việc công bố quyết định phê duyệt phương án, trao quyết định thu hồi đất và quyết định bồi thường hỗ trợ cho hộ ông G, ông có đến dự và ký tên nhưng không đồng ý nhận quyết định. Ngày 29/12/2017, Ủy ban nhân dân xã P đã công bố quyết định thu hồi đất và niêm yết theo quy định.

Ngày 13/7/2018, Ủy ban nhân dân huyện N ban hành Quyết định số 4031/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn G (lần đầu). Theo đó, Ủy ban nhân dân huyện N quyết định: “a.) Chấp nhận một phần nội dung khiếu nại (theo biên bản ngày 17/5/2018) của ông Nguyễn Văn G, giải quyết bồi thường bổ sung 133,2 m<sup>2</sup> đất nông nghiệp vị trí 1; điều chỉnh hồ sơ quy chủ bồi thường cho ông G đối với phần tài sản đã quy chủ không đúng đối tượng cho ông Trần Quát B1. b.) Không công nhận các nội dung khiếu nại về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, về bồi thường bổ sung các tài sản phát sinh sau kiểm kê tại biên bản ngày 27/10/2016 và ngày 02/11/2016; yêu cầu bồi thường hết phần diện tích nhà bếp và phần công trình nhà vệ sinh phía sau nhà hàng vì không có căn cứ pháp lý để giải quyết thêm.” (thay thế Quyết định số 3788/QĐ-UBND ngày 27/6/2018 của Ủy ban nhân dân huyện N).

Ngày 12/9/2018, Ủy ban nhân dân huyện N ban hành quyết định số

6206/QĐ-UBND về việc thu hồi diện tích 133,2 m<sup>2</sup> đất CLN của ông Nguyễn Văn G để thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng đường T (C). Ngày 12/9/2018, Ủy ban nhân dân huyện N ban hành Quyết định số 6205/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ do thu hồi đất thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng đường T (C). Ngày 14/9/2018, Ủy ban nhân dân xã P niêm yết quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và quyết định thu hồi đất nêu trên.

Ngày 24/9/2018, Ủy ban nhân dân huyện N ban hành Quyết định số 6434/QĐ-UBND về việc bồi thường hỗ trợ cho ông Nguyễn Văn G để thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng đường T (C), bồi thường diện tích 133,2 m<sup>2</sup> đất CLN với số tiền 246.642.000 đồng.

Ngày 24/9/2018, Ủy ban nhân dân huyện N ban hành Quyết định số 6435/QĐ-UBND về việc điều chỉnh danh sách tại Quyết định số 7992/QĐ-UBND ngày 04/12/2017 của Ủy ban nhân dân huyện N. Theo đó, điều chỉnh tên từ “hộ ông Trần Quát B1 (stt 02)” thành “hộ ông Nguyễn Văn G”.

Ngày 25/9/2018, Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đ – Chi nhánh huyện N phối hợp cùng Ủy ban nhân dân xã P họp dân công bố thông qua nội dung Quyết định số 6205/QĐ-UBND, Quyết định số 6206/QĐ-UBND, Quyết định số 6434/QĐ-UBND và Quyết định số 6435/QĐ-UBND về phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thì hộ ông Nguyễn Văn G đến dự và ký tên nhưng không đồng ý nhận quyết định.

Ngày 25/9/2018, Ủy ban nhân dân xã P niêm yết Quyết định điều chỉnh danh sách tại Quyết định số 7992/QĐ-UBND ngày 04/12/2017 của Ủy ban nhân dân huyện N để thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng đường T (C), tại xã P, huyện N.

Ngày 01/10/2018, Ủy ban nhân dân huyện N ban hành Quyết định số 6837/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ cho ông Nguyễn Văn G để thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng đường T (C), bồi thường nhà ở, vật kiến trúc và các chính sách hỗ trợ với số tiền 486.788.000 đồng.

Ngày 20/12/2018, Ủy ban nhân dân huyện N ban hành Quyết định số 8973/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường do thu hồi đất thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng đường T (C), bổ sung, bồi thường nhà vật kiến trúc cho 200 hộ tổng số tiền 18.019.267.000 đồng, trong đó có ông G với số tiền 289.783.000 đồng.

Như vậy, ông Nguyễn Văn G được bồi thường với tổng diện tích đất là 1.328

m<sup>2</sup> với tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ do thu hồi đất và tài sản 4.430.573 đồng tại các quyết định gồm: Quyết định số 9056/QĐ-UBND ngày 22/12/2017 số tiền bồi thường 3.407.360.000 đồng; Quyết định số 6434/QĐ-UBND ngày 24/9/2018 với số tiền 246.642.000 đồng; Quyết định số 6837/QĐ-UBND ngày 01/10/2018 bồi thường nhà ở, vật kiến trúc và các chính sách hỗ trợ với số tiền 486.788.000 đồng; Quyết định số 9344/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 bồi thường bổ sung 20% nhà vật kiến trúc số tiền 289.783.000 đồng.

Việc ông G yêu cầu hủy các quyết định trên:

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013, các Nghị định, Thông tư hướng dẫn và các quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, Ủy ban nhân dân huyện N đã thành lập Hội đồng bồi thường để thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng đường T (C), tại xã P, huyện N. Trong quá trình thực hiện công tác bồi thường, Ủy ban nhân dân huyện N đã ban hành các quyết định hành chính đảm bảo đúng theo trình tự, thủ tục quy định, trong đó có các quyết định đối với trường hợp của ông G. Do đó, việc ông Nguyễn Văn G yêu cầu hủy các quyết định hành chính trên là không có cơ sở, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu của ông G.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N xin vắng mặt tất cả các buổi làm việc, công khai chứng cứ, đối thoại và khi xét xử.

***Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ủy quyền cho ông Nguyễn Văn T1 trình bày:*** Tại phiên tòa, người khởi kiện ông Nguyễn Văn G không có ý kiến gì đối với Quyết định số 3759/QĐ-UBND ngày 19/11/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông. Do đó, ông không trình bày nội dung giải quyết khiếu nại.

***Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 75/2023/HC-ST ngày 27/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai đã tuyên xử:***

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Nguyễn Văn G về “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai” đối với các Quyết định số 9056/QĐ ngày 22/12/2017 của UBND huyện N về việc bồi thường, hỗ trợ để thực hiện dự án nâng cấp mở rộng đường T (C) tại xã P, huyện N cho ông số tiền là 3.407.360.000 đồng; Quyết định số 6206/QĐ ngày 12/9/2018 của UBND huyện N thu hồi 133,2 m<sup>2</sup> đất của ông Nguyễn Văn G; Quyết định số 6434/QĐ ngày 24/09/2018 của UBND huyện N về việc bồi thường, hỗ trợ để thực

hiện dự án nâng cấp mở rộng đường T (C) tại xã P, huyện N cho ông G số tiền 246.462.000 đồng; Quyết định số 6837/QĐ ngày 01/10/2018 của UBND huyện N về việc bồi thường, hỗ trợ để thực hiện dự án nâng cấp mở rộng đường T (C) tại xã P, huyện N cho ông G số tiền về vật kiến trúc là 486.788.000 đồng và Quyết định số 9344/QĐ ngày 28/12/2018 của UBND huyện N về việc bồi thường, hỗ trợ để thực hiện dự án nâng cấp mở rộng đường T (C) tại xã P, huyện N cho ông G số tiền về nhà ở và vật kiến trúc là 289.783.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 04/10/2023, Toà án nhân dân tỉnh Đồng Nai nhận đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn G có đơn kháng cáo đề nghị sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện.

*Tại phiên tòa phúc thẩm*, ông Nguyễn Văn G yêu cầu huỷ toàn bộ án sơ thẩm. Người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Ông Nguyễn Văn G trình bày: Việc tiến hành thu hồi đất của bên Ủy ban nhân dân tỉnh Đ và Ủy ban nhân dân huyện N đã làm sai ngay từ ban đầu khi bắt đầu quá trình kiểm đếm; Diện tích đất bị thu hồi theo Quyết định đầu tiên là 976,8m<sup>2</sup>; sau quá trình ông đấu tranh thì diện tích tăng thêm 133,2m<sup>2</sup> thành hơn 1000m<sup>2</sup>. Tài sản của ông nhưng lại kê tên người khác để họ hưởng lợi sai trái từ tài sản đó. Ông cho rằng Quyết định số 4031/QĐ ngày 13/7/2018 về việc chấp nhận bồi thường bổ sung diện tích đất là đúng. Bên cạnh đó, ông không nhận được trực tiếp bất cứ quyết định nào khác. Khi nhận được tiền bồi thường, ông cũng ghi rõ trong biên bản nhận tiền rằng sẽ khiếu kiện về vấn đề này. Tuy nhiên, ông chưa kịp khởi kiện thì những người làm sai đã bị xử lý theo quy định. Trong hồ sơ ông cung cấp, phía bên Ủy ban nhân dân cấp sai thông tin trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông, cụ thể là sai về vị trí đất được cấp; không ghi nhận căn nhà được xây dựng trên đất từ trước đó của ông; thời hạn sử dụng đất bị ghi sai. Khi ông làm đơn yêu cầu điều chỉnh thì chỉ có nội dung về thời hạn sử dụng đất được điều chỉnh lại. Ngoài ra, dựa theo quyết định kiểm đếm ngày 20/02/2006 thì căn nhà ông xây dựng đã được xây dựng từ trước năm 2006. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét kỹ các tài liệu, chứng cứ để công nhận việc khiếu kiện của ông là đúng.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày:* Đề

ngợi Hội đồng xét xử giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm. Khi Ủy ban nhân dân huyện N thực hiện công tác thu hồi đất, do trước đây điều kiện công tác chưa phát triển nên phải thực hiện dựa theo bản đồ cũ. Khi thực hiện dự án này thì Luật Đất đai năm 2013 có hiệu lực, đồng thời khi có ý kiến phản ánh về sự chênh lệch diện tích đất giữa bản đồ cũ với bản đồ mới của người dân thì Ủy ban nhân dân huyện N cũng đã xem xét, tính toán sao cho đảm bảo được quyền lợi tối đa cho người dân. Việc công nhận diện tích đất phải dựa trên quy định pháp luật. Khi kiểm đếm quy chủ cho ông B1 vì ông B1 là người đứng tên trên hợp đồng thuê. Ông G không thống nhất, yêu cầu phải kiểm đếm nhiều lần. Việc khiếu nại của ông G là không đúng. Từ đầu ông G có ý kiến thì sẽ không bồi thường sai đối tượng. Sau đó, Ủy ban nhân dân huyện N đã điều chỉnh lại diện tích đất và công nhận cho ông G.

- *Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ trình bày:* Ủy ban nhân dân tỉnh Đ đã rà soát và thực hiện đầy đủ các nội dung liên quan đến quyền và nghĩa vụ đối với ông G theo quy định. Còn các cơ quan, đơn vị ở địa phương khi thực hiện nhiệm vụ để xảy ra sai sót thì địa phương đã kiểm điểm trách nhiệm, xử lý kỷ luật. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đúng quy định pháp luật.

- *Ông Nguyễn Văn G trình bày:* Trong Bảng chiết tính giá trị bồi thường (số A) không có tên của ông mà chỉ xác nhận tài sản trên đất là của ông B1. Hồ sơ xác nhận ầu, kiểm đếm lần 02 tự tách ra.

*Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:*

Về tố tụng: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật; các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung: Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn G về việc yêu cầu huỷ án sơ thẩm thì các quyết định ông G khởi kiện ban hành đúng quy định về trình tự thủ tục, thẩm quyền.

Quyết định 9056/QĐ-UBND ngày 22/12/2017 của Ủy ban nhân dân huyện N đã thực hiện đúng quy định của Luật đất đai, quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ nên yêu cầu huỷ của ông G không có cơ sở.

Quyết định 6206/QĐ-UBND ngày 12/9/2018 của Ủy ban nhân dân huyện N: Ngày 12/9/2018 Ủy ban nhân dân huyện N ban hành Quyết định số 6205/QĐ-UBND ngày 12/9/2018 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ do thu hồi đất thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng đường T (C) tại xã P, huyện N. Ngày 14/9/2018, Ủy ban nhân dân xã P đã niêm yết quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và quyết định thu hồi đất nêu trên. Ngày 24/9/2018, Ủy ban nhân dân huyện N ban hành Quyết định số 6434/QĐ-UBND về việc bồi thường hỗ trợ cho ông Nguyễn Văn G để thực hiện dự án nâng cấp mở rộng đường T (C), bồi thường diện tích đất 133,2 m<sup>2</sup> với số tiền là 246.462.000 đồng. Ngày 24/9/2018, Ủy ban nhân dân huyện N ban hành Quyết định số 6435/QĐ-UBND về việc điều chỉnh danh sách tại Quyết định số 7992/QĐ-UBND ngày 04/12/2017 của Ủy ban nhân dân huyện N. Theo đó, điều chỉnh tên từ hộ ông Trần Quốc B (stt 02)” thành “hộ ông Nguyễn Văn G”. Ngày 25/09/2018, Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đ - Chi nhánh huyện N phối hợp cùng Ủy ban nhân dân xã P họp người dân công bố thông qua nội dung Quyết định số 6205/QĐ-UBND, Quyết định số 6206/QĐ-UBND, Quyết định số 6434/QĐ-UBND và Quyết định số 6435/QĐ-UBND về phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư; hộ ông Nguyễn Văn G đến dự và ký tên nhưng không đồng ý nhận quyết định. Ngày 25/9/2018, Ủy ban nhân dân xã P đã niêm yết quyết định điều chỉnh danh sách tại Quyết định số 7992/QĐ-UBND ngày 04/12/2017 của Ủy ban nhân dân huyện N để thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng đường T (C), tại xã P, huyện N.

Ngày 01/10/2018, Ủy ban nhân dân huyện N ban hành Quyết định số 6837/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ cho ông Nguyễn Văn G để thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng đường T (C), bồi thường nhà ở, vật kiến trúc và các chính sách hỗ trợ với số tiền 486.788.000 đồng. Ngày 20/12/2018, Ủy ban nhân dân huyện N ban hành Quyết định số 8973/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường do thu hồi đất thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng đường T (C), tại xã P, huyện N (bổ sung), bồi thường nhà vật kiến trúc cho 200 hộ tổng số tiền là 18.019.267.000 đồng, trong đó có ông G với số tiền 289.783.000 đồng.

Các Quyết định số 6206/QĐ-UBND, 6434/QĐ-UBND, 6837/QĐ-UBND và 9344/QĐ-UBND đã được ban hành đúng trình tự, thủ tục nên không có căn cứ để hủy các quyết định này theo yêu cầu của ông G.

Bản án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông G là phù hợp. Ông G kháng

cáo yêu cầu huỷ bản án sơ thẩm không có cơ sở và ông cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ gì mới. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của các bên đương sự và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về quan hệ pháp luật, thời hiệu khởi kiện:*

Ngày 04/12/2019, ông Nguyễn Văn G có đơn khởi kiện các quyết định của Ủy ban nhân dân huyện N gồm: Quyết định số 9056/QĐ-UBND ngày 22/12/2017 về bồi thường, hỗ trợ; Quyết định số 6206/QĐ-UBND ngày 12/9/2018 về thu hồi đất; Quyết định số 6334/QĐ-UBND ngày 24/9/2018 về bồi thường, hỗ trợ; Quyết định số 6837/QĐ-UBND ngày 01/10/2018 về bồi thường, hỗ trợ; Quyết định số 9344/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 về bồi thường, hỗ trợ để thực hiện dự án nâng cấp mở rộng đường T (C) tại xã P, huyện N.

Theo quy định tại Điều 116; Điều 30 và Điều 32 Luật Tố tụng hành chính, thời hiệu khởi kiện vẫn còn nên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] *Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn G, Hội đồng xét xử nhận thấy:*

[2.1] Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành các quyết định: Đúng quy định pháp luật.

[2.2] Về nội dung:

[2.2.1] Ngày 04/10/2006, Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ban hành Quyết định số 8910/QĐ-UBND về việc phê duyệt hồ sơ dự án nâng cấp mở rộng đường 319B đoạn qua khu công nghiệp N, huyện N.

Ngày 22/11/2006, Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ban hành Quyết định số 9781/QĐ-UBND về việc giới thiệu địa điểm cho Ban quản lý dự án khu vực chuyên ngành giao thông - vận tải lập dự án đầu tư nâng cấp mở rộng đường 319B tại các xã P, H, L, P, huyện N.

Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ban hành Thông báo số 6074/TB-UBND ngày 29/7/2010 về việc thu hồi đất để thực hiện dự án nâng cấp mở rộng đường T (319B).



Ngày 23/10/2014, Trung tâm phát triển quỹ đất huyện N ban hành thông báo về việc kiểm đếm tài sản, vật kiến trúc và hoa màu dự án nâng cấp, mở rộng đường 319B đoạn qua xã P, huyện N đối với hộ ông Nguyễn Văn G, thời gian kiểm đếm lúc 08 giờ 00 phút đến 10 giờ 30 phút ngày 04/11/2014 tại thửa số 10, tờ bản đồ số 37 (mới) xã P. Ông Nguyễn Văn G đồng ý cho kiểm kê hiện trạng, tài sản, vật kiến trúc, hoa màu trên đất nhưng không ký vào biên bản.

Ngày 23/7/2015, Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ban hành Quyết định số 2092/QĐ-UBND về việc phê duyệt giá đất để bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án nâng cấp mở rộng đường T (C), xã P huyện N, theo đó: Giá đất nông nghiệp vị trí 1 giá 877.000 đồng/m<sup>2</sup>; đất rừng sản xuất vị trí 1 giá 626.000 đồng/m<sup>2</sup>; đất nghĩa trang, nghĩa địa vị trí 1 giá 877.000 đồng/m<sup>2</sup>; đất ở nông thôn vị trí 1, đoạn từ ngã ba B đến Công ty K giá 3.330.000 đồng/m<sup>2</sup>; đất ở nông thôn vị trí 1, đoạn từ UBND xã P đến qua ngã 3 B 130m giá 4.850.000 đồng/m<sup>2</sup>. Tuy nhiên, đa số các hộ dân đề nghị thẩm định giá lại.

[2.2.2] Ngày 13/03/2017, Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ban hành Quyết định số 699/QĐ-UBND về việc phê duyệt điều chỉnh giá để bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thuộc dự án nâng cấp mở rộng đường T (C) và Quyết định số 2078/QĐ-UBND ngày 21/6/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ điều chỉnh giá đất rừng sản xuất.

Ngày 04/12/2017, Ủy ban nhân dân huyện N ban hành Quyết định số 7992/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ do thu hồi đất và Quyết định thu hồi đất của từng hộ gia đình, cá nhân để thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng đường T (C), tại xã P, huyện N.

Ngày 04/12/2017, Ủy ban nhân dân huyện N ban hành Quyết định số 7995/QĐ-UBND về việc thu hồi diện tích đất 1.194,8 m<sup>2</sup> của ông Nguyễn Văn G để thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng đường T (C).

Đến ngày 22/12/2017, Ủy ban nhân dân huyện N ban hành Quyết định số 9056/QĐ-UBND về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho ông Nguyễn Văn G với tổng số tiền là 3.407.360.000 đồng.

Ngày 27/12/2017, Trung tâm phát triển quỹ đất huyện N có giấy mời số 311/GM về việc công bố quyết định phê duyệt phương án, trao quyết định thu hồi đất và quyết định bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông G, ông có đến dự và ký tên nhưng không đồng ý nhận quyết định.

Ngày 29/12/2017, Ủy ban nhân dân xã P đã công bố quyết định thu hồi đất và niêm yết theo quy định.

Ngày 23/7/2015, Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ban hành Quyết định số 2092/QĐ-UBND về việc phê duyệt giá đất bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án. Ngày 23/10/2014, Trung tâm phát triển quỹ đất huyện N ban hành Thông báo về việc kiểm đếm tài sản, vật kiến trúc và hoa màu dự án nâng cấp, mở rộng đường 319B đoạn qua xã P, huyện N đối với hộ ông Nguyễn Văn G, thời gian kiểm đếm lúc 08 giờ 00 phút đến 10 giờ 30 phút ngày 04/11/2014 tại thửa số 10, tờ bản đồ số 37 (mới), xã P. Ông Nguyễn Văn G đồng ý cho kiểm kê hiện trạng, tài sản, vật kiến trúc, hoa màu trên đất nhưng không ký vào biên bản.

Ngày 23/7/2015, Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ban hành Quyết định số 2092/QĐ-UBND về việc phê duyệt giá để bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thuộc dự án nâng cấp mở rộng đường T (C) tại xã P huyện N, theo đó: Giá đất nông nghiệp vị trí 1 giá 877.000 đồng/m<sup>2</sup>; đất rừng sản xuất vị trí 1 giá 626.000 đồng/m<sup>2</sup>; đất nghĩa trang, nghĩa địa vị trí 1 giá 877.000 đồng/m<sup>2</sup>; đất ở nông thôn vị trí 1, đoạn từ ngã ba B đến Công ty K giá 3.330.000 đồng/m<sup>2</sup>; đất ở nông thôn vị trí 1, đoạn từ Ủy ban nhân dân xã P đến qua ngã ba B 130m giá 4.850.000 đồng/m<sup>2</sup>. Tuy nhiên, đa số các hộ dân đều đề nghị thẩm định giá lại.

Ngày 13/3/2017, Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ban hành Quyết định số 699/QĐ-UBND về việc phê duyệt điều chỉnh giá để bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thuộc dự án nâng cấp mở rộng đường T (C), tại xã P, huyện N, theo đó: Giá đất nông nghiệp vị trí 1 giá 1.794.000 đồng/m<sup>2</sup>; đất rừng sản xuất vị trí 1 giá 1.281.000 đồng/m<sup>2</sup>; đất nghĩa trang, nghĩa địa vị trí 1 giá 1.794.000 đồng/m<sup>2</sup>; đất sản xuất kinh doanh vị trí 1 giá 2.777.000 đồng/m<sup>2</sup>; đất thủy lợi vị trí 1 giá 2.777.000 đồng/m<sup>2</sup>; đất ở nông thôn vị trí 1, đoạn từ ngã ba B đến Công ty K giá 5.553.000 đồng/m<sup>2</sup>; đất ở nông thôn vị trí 1, đoạn từ Ủy ban nhân dân xã P đến qua ngã ba B 130m giá 8.173.000 đồng/m<sup>2</sup> và Quyết định số 2078/QĐ-UBND ngày 21/6/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ điều chỉnh giá đất rừng sản xuất thành vị trí 1 giá 1.794.000 đồng/m<sup>2</sup>.

Sau nhiều lần các Sở ngành của tỉnh Đồng Nai, Ủy ban nhân dân huyện N và các ngành của huyện họp người dân giải thích về giá đất để bồi thường thực hiện dự án vào các ngày 25/8/2016, 16/6/2017 và ngày 15/9/2017; ông Nguyễn Văn G có đến dự và có ý kiến.

Sau khi họp dân để giải thích thì đa số các hộ dân đều đồng thuận theo Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 13/03/2017 và Quyết định số 2078/QĐ-UBND ngày 21/6/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ về giá đất bồi thường thực hiện dự án.

Ngày 04/12/2017, Ủy ban nhân dân huyện N ban hành Quyết định số 7995/QĐ-UBND về việc thu hồi diện tích đất 1.194,8 m<sup>2</sup> của ông Nguyễn Văn G để thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng đường T (C).

Đến ngày 22/12/2017, Ủy ban nhân dân huyện N ban hành Quyết định số 9056/QĐ-UBND về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho ông Nguyễn Văn G với tổng số tiền là 3.407.360.000 đồng.

[2.2.3] Ngày 13/7/2018, Ủy ban nhân dân huyện N ban hành Quyết định số 4031/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn G. Theo đó, Ủy ban nhân dân huyện N ra quyết định “Chấp nhận một phần nội dung khiếu nại (theo biên bản ngày 17/5/2018) của ông Nguyễn Văn G, giải quyết bồi thường bổ sung 133,2 m<sup>2</sup> đất nông nghiệp vị trí 1; điều chỉnh hồ sơ quy chủ bồi thường cho ông G đối với phần tài sản đã quy chủ không đúng đối tượng cho ông Trần Quốc B...”.

Ngày 12/9/2018, Ủy ban nhân dân huyện N ban hành Quyết định số 6206/QĐ-UBND về việc thu hồi diện tích 133,2 m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm của ông Nguyễn Văn G để thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng đường T (C).

Ngày 12/9/2018, Ủy ban nhân dân huyện N ban hành Quyết định số 6205/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ do thu hồi đất thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng đường T (C) tại xã P, huyện N.

Ngày 14/9/2018, Ủy ban nhân dân xã P niêm yết quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và quyết định thu hồi đất nêu trên. Ngày 24/9/2018, Ủy ban nhân dân huyện N ban hành Quyết định số 6434/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ cho ông Nguyễn Văn G để thực hiện dự án nâng cấp mở rộng đường T (C), bồi thường diện tích đất 133,2 m<sup>2</sup> với số tiền là 246.642.000 đồng.

Ngày 24/9/2018, Ủy ban nhân dân huyện N ban hành Quyết định số 6435/QĐ-UBND về việc điều chỉnh danh sách tại Quyết định số 7992/QĐ-UBND ngày 04/12/2017 của Ủy ban nhân dân huyện N. Theo đó, điều chỉnh tên từ hộ ông Trần Quốc B (stt 02)” thành “hộ ông Nguyễn Văn G”.

Ngày 25/9/2018, Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đ - Chi nhánh huyện N phối hợp cùng Ủy ban nhân dân xã P họp dân công bố thông qua nội dung Quyết định số 6205/QĐ-UBND, Quyết định số 6206/QĐ-UBND, Quyết định số 6434/QĐ-UBND và Quyết định số 6435/QĐ-UBND về phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư, hộ ông Nguyễn Văn G đến dự và ký tên nhưng không đồng ý nhận quyết định.

Ngày 25/9/2018, Ủy ban nhân dân xã P niêm yết quyết định điều chỉnh danh sách tại Quyết định số 7992/QĐ-UBND ngày 04/12/2017 của Ủy ban nhân dân huyện N để thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng đường T (C) tại xã P, huyện N.

Ngày 01/10/2018, Ủy ban nhân dân huyện N ban hành Quyết định số 6837/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ cho ông Nguyễn Văn G để thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng đường T (C), bồi thường nhà ở, vật kiến trúc và các chính sách hỗ trợ với số tiền 486.788.000 đồng.

Ngày 20/12/2018, Ủy ban nhân dân huyện N ban hành Quyết định số 8973/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường do thu hồi đất thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng đường T (C), tại xã P, huyện N (bổ sung), bồi thường nhà vật kiến trúc cho 200 hộ tổng số tiền 18.019.267.000 đồng, trong đó có hộ ông G với số tiền 289.783.000 đồng.

Ông G không có ý kiến thắc mắc về giá đất, tài sản đã được bồi thường và đã nhận một nền tái định cư. Nhưng vì lý do Ủy ban nhân dân huyện N không bồi thường thêm giá trị tài sản là căn nhà có diện tích xây dựng 278,9 m<sup>2</sup>, cấp thêm suất tái định cư và hỗ trợ tiền 06 tháng do ngừng kinh doanh nên ông khiếu kiện yêu cầu hủy 05 quyết định trên.

[2.2.4] Việc yêu cầu bồi thường thêm về giá trị căn nhà có diện tích xây dựng 278,9 m<sup>2</sup> là không có cơ sở, bởi vì tài sản này phát sinh sau thời điểm có thông báo thu hồi đất và kiểm đếm. Các tài sản của ông G đã được Trung tâm phát triển quỹ đất ghi nhận tại các biên bản ngày 27/10/2016 và ngày 02/11/2016 theo yêu cầu của ông. Yêu cầu này của ông đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N giải quyết tại Quyết định số 4031/QĐ-UBND ngày 13/7/2018.

Về yêu cầu hỗ trợ tiền 06 tháng do ngừng kinh doanh: Ông G không cung cấp được giấy nộp thuế. Theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 thì hỗ trợ ngưng sản xuất kinh doanh là 30% thu nhập sau thuế.

Hộ ông G không có thuế thu nhập nên không có cơ sở để tính hỗ trợ theo quy định. Thực tế (Bút lục số 19) Bảng chiết tính cho Quyết định số 6205/QĐ-UBND ngày 12/9/2018 của Ủy ban nhân dân huyện N có hỗ trợ ngưng sản xuất kinh doanh số tiền 7.681.000 đồng

Về suất tái định cư: Ủy ban nhân dân huyện N đã xét cấp cho ông G một suất tái định cư. Việc ông yêu cầu cấp thêm là không phù hợp với quy định của pháp luật vì đất của ông G bị thu hồi là đất nông nghiệp.

[3] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đúng quy định pháp luật. Ông G kháng cáo nhưng không đưa ra được chứng cứ để làm thay đổi nội dung vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông G, giữ nguyên Bản án sơ thẩm như đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị. Ngoài ra, số tiền được ghi trong Quyết định số 6434/QĐ-UBND ngày 24/9/2018 là 246.642.000 đồng, Hội đồng xét xử ghi lại cho chính xác.

[4] Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông G là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 30; 32; 116; Điều 193; khoản 1 Điều 241; Điều 348 và Điều 349 của Luật Tố tụng hành chính;

Căn cứ khoản 2 Điều 44 Luật Đất đai năm 2003; Điều 69 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Điều 98 Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003;

Căn cứ Điều 28 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 31 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ ..;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 43/NĐ-CP ngày 15/5/2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn G. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 75/2023/HC-ST ngày 27/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, cụ thể như sau:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Nguyễn Văn G về “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai” đối với các Quyết định số 9056/QĐ-UBND ngày 22/12/2017 của Ủy ban nhân dân huyện N về việc bồi thường, hỗ trợ để thực hiện dự án nâng cấp mở rộng đường T (C) tại xã P, huyện N cho ông số tiền là 3.407.360.000 đồng; Quyết định số 6206/QĐ-UBND ngày 12/9/2018 của Ủy ban nhân dân huyện N thu hồi 133,2 m<sup>2</sup> đất của ông Nguyễn Văn G; Quyết định số 6434/QĐ-UBND ngày 24/09/2018 của Ủy ban nhân dân huyện N về việc bồi thường, hỗ trợ để thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng đường T (C) tại xã P, huyện N cho ông G số tiền 246.642.000 đồng; Quyết định số 6837/QĐ-UBND ngày 01/10/2018 của Ủy ban nhân dân huyện N về việc bồi thường, hỗ trợ để thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng đường T (C) tại xã P, huyện N cho ông G số tiền về vật kiến trúc là 486.788.000 đồng và Quyết định số 9344/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của Ủy ban nhân dân huyện N về việc bồi thường, hỗ trợ để thực hiện dự án nâng cấp mở rộng đường T (C) tại xã P, huyện N cho ông G số tiền về nhà ở và vật kiến trúc là 289.783.000 đồng.

2. Về án phí hành chính sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn G thuộc trường hợp được miễn tiền án phí. Trả lại cho ông G số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0003645 ngày 13/12/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai.

3. Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn G được miễn nộp.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao  
tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Cục THADS tỉnh Đồng Nai;
- Đương sự;
- Lưu (An - Loan).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký tên và đóng dấu)**

**Đinh Ngọc Thu Hương**